Phong GD&ÑT Dau Tieng

Tröông Mam Non 13/3

VU GIAO DUC MAM NON

Thöù hai,ngay 27/10/2025

HOA ÑÔN ÑI CHÔ

Böõa an :An Chính

Ñoä tuoi :Mau giao

Tong so tre :282

Sang : Banh mì chaû caù nöôùc mam

NT, mam: chao tom töôi cai bo xoi

Söõa grow

Tröa : Côm tröùng chien thòt ca chua. Canh rau muong tom kho thòt heo nac.

Mon xao: ñau ñua

Trang mieng: banh gao

Xe: Söõa grow

Xe chieu: Banh canh ca dieu hong nam möôp ca rot bap

So Tien Tren Moi Tre :36997

STT	Ten thöïc pham	Khoi löôïng(g)	Ñôn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom bien	1,500	34,970	524,550
3	Tom kho	200	78,100	156,200
4	Chaû ca ba sa	3,000	11,220	336,600
5	Ca diep	3,500	22,680	793,800
6	Nöôùc mam Ca (loai 1)	3,000	5,940	178,200
7	Dau thao moc	5,000	6,280	314,000
8	Ñöôøng cat	3,000	3,880	116,400
9	Dau me	1,000	3,870	38,700
10	Gao te may	17,000	2,630	447,100
11	Ngo (bap) töôi	1,000	3,990	39,900
12	Hanh la	1,000	5,360	53,600
13	Hanh cu töôi	1,000	5,780	57,800
14	Ca rot	2,500	5,460	136,500
15	Nam rôm	500	13,130	65,650
16	Ca chua	3,500	5,670	198,450
17	Möôùp	2,000	3,990	79,800
18	Cai bo xoi	1,500	8,510	127,650
19	Rau muong	6,500	3,990	259,350
20	Ñau ñua	3,000	3,990	119,700
21	Banh canh	18,000	2,200	396,000
22	Banh mì lat	10,500	4,600	483,000
23	Banh bích quy goi	21,000	2,750	577,500
24	Thòt lôn nac	9,800	18,060	1,769,880
25	Tröùng vòt	13,000	5,400	702,000
	Cong			**7,993,530**
	*XUAT KHO			
26	Söõa bot Abbot Grow	11,900	20,500	2,439,500
	Cong			**2,439,500**

Tong tien thöïc pham	**10,433,030** ñ
Chi phí khac	0(ñ)
Tien ñöôïc chi trong ngay	10434000(ñ)
So dö ñau ngay	0(ñ)
So dö cuoi ngay	970(ñ)
Xuat an luy ke tö ñau thang	
Tieu chuan luy ke tö ñau thang	
Tien chi luy ke tö ñau thang	

Phó Hiệu Trưởng Duyệt

Tương Ngọc Thủy Tiên